SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 46/BCCK-TL

Hải Phòng, ngày 17 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO
VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG KHAI

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I. Công khai chung theo Điều 4 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Thăng Long

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử:

- Địa chỉ: 49/201 Lạch Tray, phường Gia Viên, Hải Phòng
- Điện thoại: 02263 640869 – 02256 268771
- Địa chỉ gmail: thpt-thanglong@haiphong.edu.vn
- Website:https://thptthanglong.haiphong.edu.vn; https://thptthanglonghp.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp:

- Loại hình: Tư thục.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

4.1. Sứ mạng

Tiên phong đổi mới, không ngừng sáng tạo, ứng dụng phương pháp quản lý và tư duy giáo dục hiện đại. Tạo dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh, chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực tiềm ẩn và tư duy sáng tạo.

4.2. Tầm nhìn

Trở thành trường chất lượng cao trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. Đào tạo nên những công dân khoẻ mạnh về thể chất, phong phú về tâm hồn, nhân cách và trí tuệ thời đại, bản lĩnh giải quyết vấn đề và nắm bắt cơ hội để tạo dựng thành công trong thời đại hội nhập quốc tế.

4.3. Mục tiêu, giá trị cốt lõi

Được xây dựng nên bởi "12 giá trị sống" (trung thực, tôn trọng, khiêm tốn, trách nhiệm, hợp tác, giản dị, khoan dung, yêu thương, hạnh phúc, tự do, đoàn kết, hòa bình) và 10 phẩm chất của "Công dân toàn cầu" (ham hiểu biết, có kiến thức, có phương pháp tư duy khoa học, có khả năng giao tiếp, có tính kỷ luật, có đầu óc cởi mở, có óc xét đoán, dám mạo hiểm, biết cách cân bằng cuộc sống, biết quan tâm đến bản thân, gia đình và cộng đồng).

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

5.1. Lịch sử hình thành

Ngày 13/5/1998 UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định số 749/QĐ-UB cho phép tách Cơ sở 3 Trường PTTH dân lập Toa xe, thành lập Trường PTTH dân lập Thăng Long công nhận bổ nhiệm PGS-TS Nguyễn Chu Hồi (Giám đốc phân viện Hải Dương học tại Hải Phòng - Cơ quan bảo trợ của trường) là Chủ tịch HĐQT; công nhận bổ nhiệm Bà Đoàn Thị Minh Thân là Hiệu trưởng. Tuy nhiên, trong thực tế khi Trường PTTH dân lập Thăng Long còn là Cơ sở 3 Trường PTTH dân lập Toa xe, đã hoạt động theo mô hình trường Tư. Tháng 03/2004 HĐQT trình UBND thành phố Hải Phòng Hồ sơ xin chuyển đổi Trường PTTH dân lập Thăng Long thành loại hình trường Tư và ngày 20/5/2004 UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định Số: 1504/QĐ-UB chuyển loại hình loại hình trường Thăng Long từ loại hình Dân lập sang Tư thục: Trường THPT Tư thục Thăng Long và công nhận bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Mai là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Hiệu trưởng.

Điều lệ trường Trung học phổ thông ban hành kèm theo quyết định số 07/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GD-ĐT quy định bỏ tên các loại hình trường "Dân lập", "Tư thục", "Bán công" ra khỏi tên trường. Từ đó, Trường THPT Tư thục Thăng Long được đổi thành: Trường THPT Thăng Long theo Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 của UBND thành phố Hải Phòng.

5.2. Quá trình phát triển

Việc ra đời của Trường THPT Thăng Long nói riêng và của hệ thống tư thục của thành phố Hải Phòng và cả nước nói chung phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục; Phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001 - 2010 Ban hành kèm theo Quyết định số: 201/2001/QĐ- TTg ngày 28/12/2001 và "Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2021 Ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Sau 29 năm (năm học 1997 - 1998 là Cơ sở 3 Trường PTTH dân lập Toa xe và 28 năm học từ 1998 - 1999 đến năm học 2025 - 2026), nhà trường đã không ngừng cố gắng, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để phát triển về mọi mặt và từng bước trưởng thành.

Sự phát triển của nhà trường có sự đóng góp của các tổ chức chính trị, đoàn thể trong trường. Chi bộ trường được thành lập theo Quyết định số: 49-QĐ/QU ngày 10/8/2001 của Quận ủy Ngô Quyền, là chi bộ trường ngoài công lập đầu tiên của thành phố Hải Phòng, tích cực tham gia các cuộc vận động của Đảng, thực hiện nghiêm túc chính sách pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền, chỉ đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn thành niên thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, chuyên môn.

Công đoàn trường phát huy vai trò đại diện Người lao động (NLĐ) giám sát việc thực hiện Hợp đồng Lao động, Thỏa ước Lao động tập thể, quan tâm đời sống tinh thần cho

cán bộ, giáo viên, nhân viên. Công đoàn là nơi gửi gắm tâm tư, nguyện vọng của NLĐ, tổ chức cho NLĐ hưởng ứng các cuộc thi đua, các cuộc vận động của ngành GD.

Đoàn TNCS Hồ chí Minh phát huy vai trò là cánh tay phải của Đảng, đội ngũ trẻ trung, năng động, phát huy thế mạnh tuổi trẻ với nhiều hoạt động ý nghĩa, vui nhộn, hiệu quả trong việc xây dựng lớp học hạnh phúc, trường học hạnh phúc, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, uy tín và thương hiệu nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Người đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mai
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng trường
- Địa chỉ nơi làm việc: 49/201 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0913 540600
- E-mail: nguyenthimai.tlo@haiphong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

- Ngày 13/5/1998 UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định số 749/QĐ-UB cho phép tách Cơ sở 3 Trường PTTH dân lập Toa xe, thành lập Trường PTTH dân lập Thăng Long.

- Ngày 20/5/2004 UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định Số: 1504/QĐ-UB chuyển loại hình Trường PTTH dân lập Thăng Long thành Trường THPT tư thục Thăng Long.

- Năm 2007, căn cứ Điều lệ trường Trung học ban hành kèm theo quyết định số 07/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GD - ĐT, UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định Số: 1461/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 cho phép đổi tên Trường THPT Tư thục Thăng Long thành Trường THPT Thăng Long.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 824/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo công nhận Hội đồng trường, Trường THPT Thăng Long nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 05 thành viên:

- Chủ tịch Hội đồng trường: Bà Nguyễn Thị Mai - Đại diện nhà đầu tư
- Các thành viên:

+ Ông Vũ La Tin - Đại diện nhà đầu tư

+ Ông Vũ Trường Sơn - Đại diện Nhà đầu tư:

+ Ông Nguyễn Đức Quyết - Phó hiệu trưởng (nay là Hiệu trưởng)

+ Bà Vũ Thị Ngát - Nhân viên giáo vụ

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Hiệu trưởng: **Nguyễn Đức Quyết** - quyết định công nhận số: 1410/QĐ-SGDĐT ngày 23/10/2024 của Giám đốc Sở GD&ĐT.

- Phó Hiệu trưởng 1: **Nguyễn Thị Thủy** - quyết định công nhận số: 1411/QĐ-SGD ĐT ngày 23/10/2024 của Giám đốc Sở GD&ĐT.

- Phó Hiệu trưởng 2: **Nguyễn Thị Mai** - quyết định công nhận số: 1412/QĐ-SGD ĐT ngày 23/10/2024 của Giám đốc Sở GD&ĐT.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của trường.

a) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường:

- Hội đồng trường: Gồm 05 thành viên. Gồm: 03 đại diện nhà đầu tư (trong và ngoài nhà trường) và 02 đại diện cho NLĐ. **Chủ tịch Hội đồng trường** đại diện các nhà đầu tư quản trị nhà trường, trong các lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; phê duyệt kế hoạch thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước đối với NLĐ; xây dựng chiến lược phát triển nhà trường; quy định trách nhiệm nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng trường;

- Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trường phổ thông trung học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư Số: 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD-ĐT.

- Hiệu trưởng: Đề nghị thành lập các tổ chức chính trị, xã hội trong trường. Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; bổ nhiệm các tổ trưởng, nhóm trưởng các tổ chuyên môn, văn phòng; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ năm học; phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban lãnh đạo trường chỉ đạo, quản lý các tổ chuyên môn, phòng chống cháy nổ, CSVC, VSMT..; quản lý giáo viên, nhân viên, học sinh và các hoạt động GD; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện theo yêu cầu Hội đồng trường và của các cấp có thẩm quyền; phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỉ luật học sinh. Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành GD; Thực hiện công khai theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Tổ chức thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 của Quốc hội khóa 15 và công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

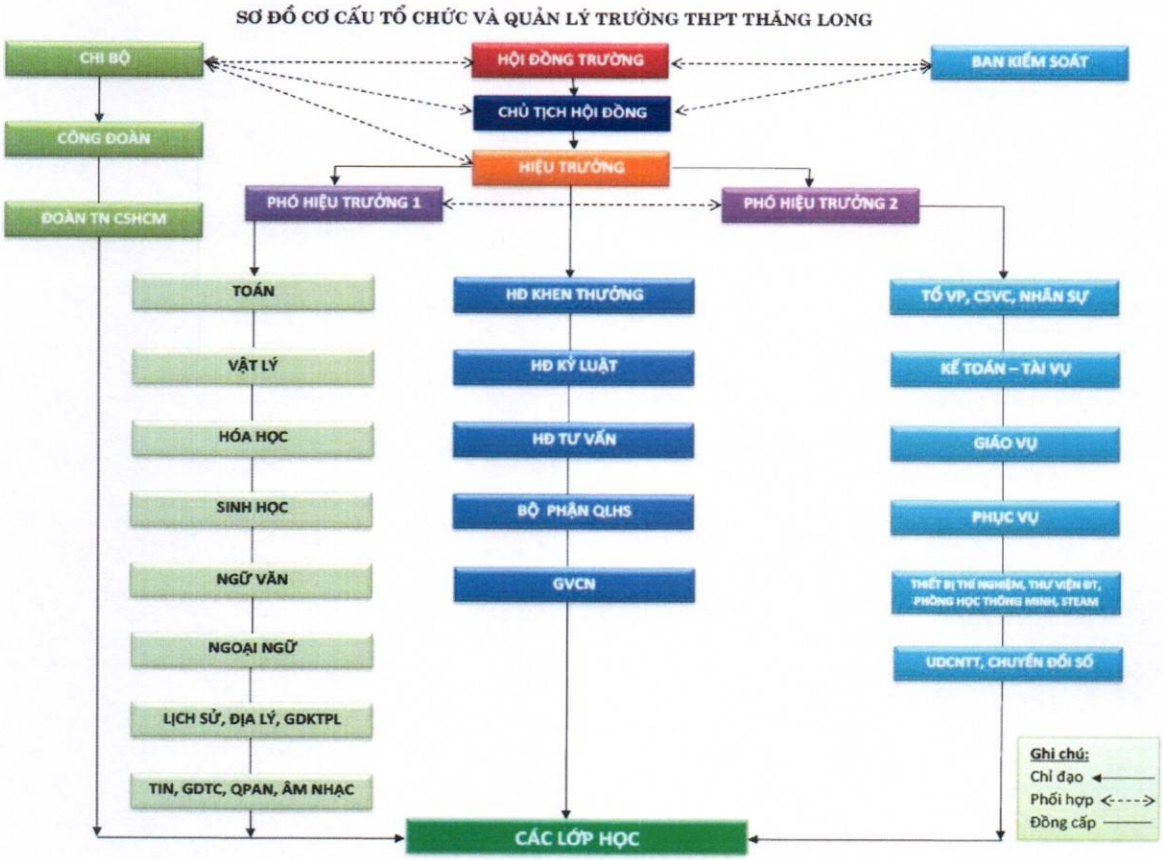
- Nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn như trường phổ thông công lập theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục, ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD-ĐT.

- Trường thuộc loại hình tư thục, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển; xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên; huy động, sử dụng và quản lý các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục.

- Trường có trách nhiệm báo cáo công khai hàng năm các mặt hoạt động tài chính, hoạt động GD của nhà trường theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

c) Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường:



đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, thư điện tử, nơi làm việc của Lãnh đạo trường

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1.	Nguyễn Đức Quyết	Hiệu trưởng	0904136922	Nguyenducquyet.tlo@haiphong.edu.vn
2.	Nguyễn Thị Thủy	Phó HT	0913303112	nguyenthithuy.tlo@haiphong.edu.vn
3.	Nguyễn Thị Mai	Phó HT	0913540600	nguyenthimai.tlo@haiphong.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Số 49/201 Lạch Tray, Gia Viên, Hải Phòng.

8. Các văn bản khác của nhà trường:

Quy chế tổ chức và hoạt động; Chiến lược phát triển; Quy chế dân chủ ở cơ sở; Thỏa ước Lao động tập thể; Hợp đồng Lao động; Bộ quy tắc ứng xử; Nghị quyết của Hội đồng trường; Quyết định lương của NLĐ; Thông báo tuyển dụng nhân sự...

II. Công khai thu, chi tài chính năm 2025 (BC theo Điều 5 Thông tư 09)

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề

(Thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động):

1.1. Các khoản thu phân theo nguồn kinh phí năm 2025:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ học phí cho học sinh: Theo NQ 54/2019/NQ-HĐND;
- Hỗ trợ của nhà đầu tư: Không;
- Học phí, lệ phí và các khoản thu khác: Thu từ người học;
- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không;
- Kinh phí thu từ các hoạt động giáo dục; khoa học, công nghệ; hoạt động khác: Không.

1.2. Các khoản chi năm 2025 phân theo:

- Chi hỗ trợ học phí cho HS theo NQ 54/2019/NQ-HĐND thành phố Hải Phòng
- Chi tiền lương và thu nhập, gồm: Lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,..;
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ, gồm: Chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị.
- Thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...: Không
- Chi hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng, chi khác...

1.3. Kết quả hoạt động tài chính năm 2025 (BC thu - chi theo điểm a, b khoản 1 Điều 5 và BC Số dư các quỹ theo khoản 4, Điều 5 TT09):

TT	Chỉ số thống kê	BC năm 2025
I	**TỔNG THU HOẠT ĐỘNG**	**35.890.704.402**
1	Ngân sách NN hỗ trợ học phí (NQ 54/2019/NQ-HĐND)	1.180.375.000
2	Học phí	34.626.000.000
3	Thu khác	84.329.402
II	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**	**30.559.404.381**
1	Hỗ trợ học phí cho HS theo NQ 54/2019/NQ-HĐND	1.180.375.000
2	Lương và thu nhập khác	19.831.199.362
3	Các khoản phải nộp theo lương	1.686.119.289
4	Trả lãi vay xây dựng	249.041.096
5	Khấu hao tài sản cố định	2.655.835.936
6	Cơ sở vật chất, hoạt động giáo dục, chi khác	4.956.833.698

III	**CHÊNH LỆCH THU CHI = I - II**	**5.331.300.021**
1	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) cho nhà nước 10%	533.130.002
2	Lợi tức sau thuế: - Chia lợi tức cho nhà đầu tư	1.212.548.100
	- Thưởng bộ phận quản trị nhà trường	360.000.000
	- Trích lập các quĩ	3.225.621.919

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học (BC theo khoản 2, Điều 5 TT09)

(Học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí - nếu có trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh).

2.1. Học phí từ năm học 2025 - 2026 đến năm học 2028 - 2029:

- Thực hiện hoạt động Dạy học chính khóa: Trường THPT Thăng Long.

- Thực hiện hoạt động Dạy thêm, học thêm: Hộ Kinh doanh giáo dục Thăng Long.

* Học phí nộp vào tài khoản Vietcombank (VCB) của trường:

- Lớp 10: Nộp 2 kỳ/năm học - HK1: 18.000.000đ - HK2: 18.000.000

Năm học	2026 - 2027	2027 - 2028	2027 - 2028
Chính khoá	30.000.000	- Học phí lớp 11 tăng so với học phí lớp 10, học phí lớp 12 tăng so với học phí lớp 11 nhưng không vượt quá 10%. - CMHS sẽ được thông báo tại cuộc họp cuối năm học trước.	
Học thêm	6.000.000		
Năm học	36.000.000		

- Lớp 11 (2026 - 2027: HK1: 20.000.000đ HK2: 20.000.000đ

- Lớp 12 (2026 - 2027): HK1: 21.500.000đ HK2: 21.500.000đ

Năm học	2026 - 2027	2027 - 2028
Lớp 11 Chính khoá: Học thêm:	 32.000.000 8.000.000	- Học phí lớp 12 tăng so với học phí lớp 11 nhưng không vượt quá 10%. - CMHS sẽ được thông báo tại cuộc họp cuối năm học trước.
Năm học:	40.000.000	
Lớp 12 Chính khoá: Học thêm:	 33.000.000 10.000.000	/
Năm học:	43.000.000	

2.2. Thu ngoài học phí

a) Thu hộ, chi hộ

- SGK: Theo giá nhà xuất bản.

- Đồng phục (chỉ thu đối với học sinh lớp 10):

Bộ trang phục lễ hội (quần âu, áo sơ mi trắng dài tay + cavat): 370.000

Bộ quần dài, áo dài truyền thống nữ sinh (vải mầu trắng): 600.000

Bộ trang phục thường xuyên đi học (áo coton mầu xanh ngắn tay): 320.000

Bộ trang phục học GDQP + mũ (vải rằn ri): 390.000

Áo đồng phục mùa đông: 330.000

b) Thu hộ:

- Bảo hiểm y tế (bắt buộc): Theo qui định của nhà nước.

- Bảo hiểm toàn diện (không bắt buộc, mua nếu có nhu cầu).

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học (BC theo khoản 3, Điều 5 TT09):

Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố, khi nhận được kinh phí thành phố cấp, nhà trường chi trả trực tiếp ngay cho học sinh (CMHS). Cụ thể:

a) Năm học 2024-2025, mức hỗ trợ là 125.000đ/hs/tháng

- Tổng số học sinh của nhà trường 1.097 HS, trong đó

+ Số học sinh được miễn giảm theo chế độ: 0

+ Số học sinh được hỗ trợ theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND là: 1.097 HS

(1.093hs x 9 tháng) + (1hs x 4 tháng) + (2hs x 3 tháng) + (1hs x 1 tháng)

- Tổng số tiền học sinh được hỗ trợ là: 1.231.000.000đ

- Kết quả: 100% học sinh nhận đã nhận đủ tiền hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố

b) Năm học 2025-2026, mức hỗ trợ là 125.000đ/hs/tháng

- Tổng số học sinh của nhà trường 993 HS, trong đó

+ Số học sinh được miễn giảm theo chế độ: 0

+ Số học sinh được hỗ trợ theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND là: 993 HS

(990hs x 9 tháng) + (3hs x 4 tháng)

- Tổng số tiền học sinh được hỗ trợ là: 1.115.250.000đ

- Kết quả:

Học kỳ 1: 100% HS nhận đã nhận đủ tiền hỗ trợ học phí qua tài khoản

Học kỳ 2: Khi nhận được kinh phí nhà trường sẽ chuyển khoản cho HS (CMHS).

4. Có số dư các quỹ theo quy định tại bảng thống kê điểm 1.3. Kết quả hoạt động tài chính năm 2025 của nhà trường.

5. Các nội dung công khai tài chính khác:

Thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, quy chế dân chủ cơ sở.

B. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I. Điều kiện bảo đảm chất giáo dục theo Điều 8 Thông tư 09

1. Thông tin về đội ngũ GV, CBQL và NV năm học 2026 - 2027:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

TT	Vị trí việc làm	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	<TC
	CBQL, GV, NV	**78**	**0**	**11**	**56**	**01**	**10**	
I	**CBQL**	**03**	**0**	**01**	**02**	**0**	**0**	
1	Hiệu trưởng	01			01			
2	Phó hiệu trưởng	02		01	01			
II	**Giáo viên**	**57**	**0**	**10**	**47**	**0**	**0**	
1	Toán	11		03	08			
2	Vật lý	04			04			
3	Hóa học	03			03			
4	Sinh học	02			02			
5	Tin học	04		01	03			
6	GDTC + ANQP	04			04			
7	Ngữ văn	09			09			
8	Lịch sử	03		01	02			
9	Địa lý	04		01	03			
10	GDKT&PL	04		01	03			
11	Tiếng Anh	07		03	04			
12	Âm nhạc	02			02			
III	**Nhân viên**	**18**	**0**	**0**	**07**	**01**	**10**	
1	Văn thư, Giáo vụ	02			02			
2	Kế toán	02			02			
3	Thủ quỹ	01					01	
4	Y tế	01					01	
5	Thư viện	01			01			
6	Thiết bị, thí nghiệm	01			01			
7	Nhân viên CNTT	01			01			
8	Nhân viên khác	09				01	08	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

TT	Chức vụ công tác	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp HT, P.HT, GV		
			Đạt	Khá	Tốt
1.	Hiệu trưởng	01	0	0	01
2.	Phó hiệu trưởng	02	0	0	02
3.	Giáo viên	57	0	04	53

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

TT	Đối tượng	Số lượng	Kết quả bồi dưỡng			
			Hoàn thành	Tỉ lệ	Không hoàn thành	Tỉ lệ
1.	Cán bộ quản lý	03	03	100%	0	0
2.	Giáo viên	57	57	100%	0	0

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Tổng diện tích đất toàn trường: 1.799 m^2.
- Tổng diện tích sử dụng: 5.050 m^2.
- Diện tích sử dụng/học sinh: 5,10 m^2.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Nội dung	Số lượng	Diện tích	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I.	**Khối phòng hành chính quản trị**			**Đáp ứng yêu cầu**
1.	Phòng chủ tịch HĐ trường	01	25m^2	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định
2.	Phòng Hiệu trưởng	01	45m^2	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định
3.	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	20m^2	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định
4.	Phòng Chi bộ, Công đoàn, ĐTN	01	20m^2	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định
5.	Phòng UD CNTT QLHS	01	55m^2	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định, đáp ứng YC

6.	Phòng Giáo vụ	01	35m^2	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định
7.	Phòng Kế toán tài vụ	01	35m^2	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định, đáp ứng YC
8.	Phòng bảo vệ	01	12m^2	Ngay phía trong cổng, thuận lợi để quan sát
II.	**Khối phòng học tập**			
1.	Phòng học	27	45m^2/phòng	01 phòng học/lớp
2.	Phòng hoạt động GD STEAM	01	25m^2	
3.	Phòng học thông minh	01	70m^2	
4.	Thư viện điện tử	01	55m^2	
5.	Phòng thực hành Tin học	02	50m^2/phòng	
6.	Phòng học Ngoại ngữ	27	45m^2	27 phòng có đủ màn hình thông minh và thu phát âm thanh
7.	Phòng học môn Vật lý	01	45m^2	Đáp ứng YC
8.	Phòng học môn Hóa - Sinh	01	60m^2	Đáp ứng YC
III.	**Khối phòng hỗ trợ học tập**			Đáp ứng YC
1.	Phòng chứa thiết bị giáo dục	01	45m^2	Có đầy đủ giá, tủ đựng và bảo quản thiết bị dạy học, đáp ứng YC
2.	Phòng tư vấn học đường	01	25m^2	Đáp ứng YC thực tế
IV.	**Khối phụ trợ**			
1.	Phòng Hội đồng	02	55m^2/phòng	Đáp ứng YC thực tế
2.	Phòng y tế	01	20m^2	Có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh. Đáp ứng YC
3.	Phòng kho	02	40m^2/phòng	Đáp ứng YC
15.	Nhà vệ sinh giáo viên	04	15m^2/phòng	Đáp ứng YC
16.	Nhà vệ sinh học sinh	04	15m^2/phòng	Đáp ứng YC
17.	Các khu vực để xe học sinh	03	970m^2	Đáp ứng YC
18.	Khu để xe giáo viên, khách	02	150m^2	Đáp ứng YC
V.	**Khu sân chơi, bãi tập**			
1.	Sân trường	01	560m^2	Đáp ứng YC
2.	Sân thượng nhà D	01	250m^2	Đáp ứng YC
VI.	**Khối phục vụ sinh hoạt**			

1.	Nhà bếp	01	20m^2	Đáp ứng YC
VII.	**Hạ tầng kĩ thuật**			
1.	Hệ thống cấp nước sạch	Có		Bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định, đáp ứng YC
2.	Hệ thống cấp điện	Có		Bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường
3.	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Có		Theo quy định hiện hành, đáp ứng YC

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu
1	**Tổng số máy vi tính:**	**Bộ**	**117**	Đáp ứng yêu cầu
	- Số máy vi tính dùng cho học sinh	Bộ	100	Đáp ứng yêu cầu
	- Số máy vi tính dùng cho quản lý, VP	Bộ	17	Đáp ứng yêu cầu
	- Số máy vi tính được kết nối Internet	Bộ	117	Đáp ứng yêu cầu
2	Số máy in	Cái	08	Đáp ứng yêu cầu
3	Số máy Photocopy	Cái	02	Đáp ứng yêu cầu
4	Màn hình thông minh 55 inches	Cái	29	Đáp ứng yêu cầu
5	Màn hình LED sân khấu, phòng họp và hội trường	Cái	03	Đáp ứng yêu cầu
8	**Các loại thiết bị khác:**			Đáp ứng yêu cầu
	- Máy quay Sony AX700	Cái	01	Đáp ứng yêu cầu
	- Máy quay Sony AX43	Cái	01	Đáp ứng yêu cầu
	- Máy quay Sony FX30	Cái	01	Đáp ứng yêu cầu
	- Máy ảnh Sony A7 IV	Cái	01	Đáp ứng yêu cầu
	- Router Mikrotik	Cái	02	Đáp ứng yêu cầu
	- Switch mạng	Cái	09	Đáp ứng yêu cầu
	- Bộ phát Wifi	Cái	105	Đáp ứng yêu cầu
	- Kính thực tế ảo	Cái	41	Đáp ứng yêu cầu
	- Ipad	Cái	12	Đáp ứng yêu cầu
	- Lego phục vụ các môn học	Bộ	17	Đáp ứng yêu cầu
	- Máy lọc nước uống tinh khiết	Chiếc	35	Đáp ứng yêu cầu
	- Máy hút ẩm công nghiệp	Bộ	01	Đáp ứng yêu cầu
	- Hệ thống camera giám sát toàn trường	Chiếc	92	Đáp ứng yêu cầu
	- Máy scan chấm điểm	Cái	02	Đáp ứng yêu cầu
	- Dụng cụ âm nhạc:			Đáp ứng yêu cầu

	+ Trống con	Cái	10	Đáp ứng yêu cầu
	+ Thanh phách	Cái	24	Đáp ứng yêu cầu
	+ Maracas	Bộ	05	Đáp ứng yêu cầu
	+ Kèn phím	Cái	05	Đáp ứng yêu cầu
	+ Tambourine	Cái	05	Đáp ứng yêu cầu
	+ Triangle	Cái	05	Đáp ứng yêu cầu
	+ Đàn organ	Cái	02	Đáp ứng yêu cầu
	+ Đàn piano	Cái	01	Đáp ứng yêu cầu
	+ Đàn guita gỗ	Cái	02	Đáp ứng yêu cầu
	+ Đàn guita điện	Cái	01	Đáp ứng yêu cầu
	+ Đàn guita bass	Cái	01	Đáp ứng yêu cầu
	+ Trống cơ	Bộ	01	Đáp ứng yêu cầu
	+ Loa dùng cho nhạc cụ	Bộ	02	Đáp ứng yêu cầu
	- Hệ thống âm thanh sân khấu	Bộ	01	Đáp ứng yêu cầu
	- Hệ thống âm thanh phòng họp, hội trường	Bộ	02	Đáp ứng yêu cầu
	- Hệ thống phát thanh học đường đến 100% phòng học, phòng chức năng	Bộ	01	Đáp ứng yêu cầu

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Từ năm học 2026-2027, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai bộ sách giáo khoa **"Kết nối tri thức với cuộc sống"** (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam) làm bộ sách thống nhất toàn quốc cấp THPT theo Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng gáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá hàng năm.

Nhà trường đã tiến hành kiểm định chất lượng GD chu kỳ 1, giai đoạn 2008 - 2012, ngày 19/6/2012 UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 29/QĐ-UBND công nhận Trường THPT Thăng Long đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GD giai đoạn 2012 - 2016 (cấp độ 3).

Trong giai đoạn này nhà trường đã có nhiều đổi mới sáng tạo trong việc thực hiện cải tiến chất lượng trong quản lý hành chính, tài chính, tài sản, các hoạt động GD và dạy học để hoàn thành "Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020".



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CERTIFICATE OF ACCREDITATION

PEOPLE'S COMMITTEE OF HAI PHONG CITY

RECOGNIZES

School: Thang Long SECONDARY SCHOOL
Address: Lach tray ward, Ngo Quyen district, Hai Phong City
has fully met the required accreditation standards.
This certificate is valid for 04 years from the date of issuance.

Hai Phong, ...16/5/..., 2012
FOR HAI PHONG PEOPLE'S COMMITTEE
CHAIRMAN

Duong Anh Dien

Vào sổ đăng ký: 29

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CÔNG NHẬN

Trường: TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THĂNG LONG
Địa chỉ: phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.
Giấy chứng nhận này có giá trị 04 năm kể từ ngày ký.

Hải Phòng, ngày 13 tháng 6 năm 2012
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Dương Anh Điền

Để tiếp tục lộ trình phát triển, nhà trường đã tiến hành kiểm định chất lượng GD chu kỳ 2. Nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Trường THPT Thăng Long giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020 xây dựng "Chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030", trên cơ sở đánh giá của đoàn đánh giá ngoài theo quyết định số 1163/QĐ-SGDĐT-KTKĐ ngày 05/10/2018, Giám đốc Sở GD-ĐT Hải Phòng ra Quyết định số 34/QĐ-SGDĐT-KTKĐ ngày 14/01/2019 công nhận Trường THPT Thăng Long đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GD (cấp độ 3) giai đoạn 2019 - 2024.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CÔNG NHẬN

TRƯỜNG THPT THĂNG LONG
49/201 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Được đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 qua báo cáo
của Đoàn đánh giá ngoài theo Quyết định số 1163 ngày 05 tháng 10 năm 2018
Giấy chứng nhận này có giá trị 05 năm kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2019
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Trường

Vào sổ đăng ký:.....

Hiện nay, nhà trường đã và đang áp dụng Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng GD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD - ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở GD

phổ thông, Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành công tác KĐCLGD chu kỳ 3, giai đoạn từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, trong đó công tác tự đánh giá đã được Hội đồng tự đánh giá của trường thực hiện từ tháng 10/2023. Trong suốt 05 năm học vừa qua nhà trường đã không ngừng cố gắng, vượt qua mọi khó khăn khẳng định chất lượng GD, kỉ cương nền nếp tốt, được CMHS và HS tin cậy, yêu mến. Uy tín nhà trường ngày càng nâng cao.

Hội đồng trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung "Chiến lược phát triển Trường THPT Thăng Long giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030" để làm căn cứ xây dựng "Chiến lược phát triển Trường THPT Thăng Long giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035", Giám đốc Sở GD-ĐT phê duyệt ngày 24/4/2024 là căn cứ quan trọng để Hội đồng trường có những quyết sách đúng đắn, định hướng mục tiêu chiến lược phát triển và thực hiện các giải pháp cải tiến chất lượng.

Ngày 01/04/2025 Giám đốc sở Giáo dục và đào tạo Hải Phòng ra Quyết định số 1775/QĐ-SGDĐT chứng nhận về việc trường THPT Thăng Long đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1, 5 năm 2025 - 2030.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CHỨNG NHẬN

TRƯỜNG THPT THĂNG LONG

Địa chỉ: Phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1
Chứng nhận này có giá trị 05 năm, kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025

Hải Phòng, ngày 01 tháng 4 năm 2025
GIÁM ĐỐC

Quyết định số: 1775 ngày 01 tháng 4 năm 2025
Vào sổ đăng ký:

Hà Văn Kiệm

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: Không

II. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục theo Điều 9 Thông tư 09

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2026 - 2027

(Đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển

sinh và các thông tin liên quan).

a) Đối tượng tuyển sinh:

- HS tham gia kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT công lập năm học 2026 - 2027 do Sở GD&ĐT tổ chức.

- HS có đăng ký trực tuyến nguyện vọng Trường THPT Thăng Long.

- HS đúng độ tuổi vào học lớp 10 THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT.

b) Chỉ tiêu tuyển sinh:

Tuyển sinh 10 lớp tối đa 450 HS (theo Quyết định số 2074/QĐ-SGDĐT ngày 31/3/2026 của Sở GD&ĐT về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2026 - 2027).

c) Phương thức tuyển sinh:

- Xét từ cao xuống tổng điểm 03 môn thi vào lớp 10 Công lập năm học 2026 - 2027.

- Công thức tính điểm xét tuyển (Đxt):

Đxt = Điểm thi môn Toán + Điểm thi môn Ngữ văn + Điểm thi môn tiếng Anh

- Cập nhật danh sách HS trúng tuyển từ phần mềm tuyển sinh của Sở GD&ĐT sau khi Sở GD&ĐT thông báo điểm thi và Danh sách HS trúng tuyển vào các trường THPT Công lập.

- Danh sách trúng tuyển có Đxt từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu trên tổng số HS đăng ký trực tuyến nguyện vọng Tư thục là Trường THPT Thăng Long. Công khai danh sách HS trúng tuyển trên bảng tin và cổng thông tin điện tử (Website) của trường.

d) Thời gian tư vấn tuyển sinh và tuyển sinh:

- Từ ngày 26/03/2026: Tiếp đón, tư vấn cho CMHS và HS thăm và tìm hiểu thông tin về trường (nếu có nhu cầu).

- Từ 16/04 đến 19/4: Tư vấn cho CMHS và HS đăng ký thử Nguyện vọng (nếu có nhu cầu).

- Từ 21/4/2026 đến 02/5/2026: Tư vấn cho CMHS và HS đăng ký chính thức Nguyện vọng (nếu có nhu cầu).

- Từ 01/7 đến 03/7:

+ Sở GD&ĐT thông báo điểm chuẩn, danh sách trúng tuyển Trường THPT công lập.

+ Trường THPT Thăng Long xác nhận Danh sách HS trúng tuyển trên phần mềm tuyển sinh của Sở GD&ĐT, công khai danh sách trúng tuyển trên cổng thông tin điện tử trường.

+ **Từ 7h00 đến 11h30 và 13h30 đến 17h30 - 02+03/7** CMHS có con trúng tuyển cùng con đến Trường THPT Thăng Long nộp hồ sơ:

. Học bạ bản gốc, giấy khai sinh (có thể nộp sau, nếu chưa rút được).

. Đăng ký môn lựa chọn để có căn cứ xếp lớp.

- Sau ngày 03/7 khi Sở GD&ĐT hạ điểm chuẩn các trường THPT công lập: Trường THPT Thăng Long giải quyết ngay cho CMHS và HS có nguyện vọng rút hồ sơ chuyển về học tại các Trường THPT Công lập.

- Dự kiến chậm nhất ngày 21/8 - 14h00:

+ HS tập trung theo lớp tại trường: Nhận kế hoạch đến 05/9/2026.

+ Nếu sớm hơn 21/8: Nhà trường sẽ có tin nhắn SMS gửi đến cha (mẹ) HS.

b) Kế hoạch giáo dục

- Xây dựng, ban hành văn bản số 68/KHGD-THPTTL ngày 05/8/2025 về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 đảm bảo đúng đủ nội dung và chi tiết theo hướng dẫn tại Công văn số 5512/ BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- 100% tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học và gửi công khai trên phần mềm quản lý chuyên môn đúng thời gian và hướng dẫn về triển khai sử dụng quản lý hồ sơ chuyên môn.

- Kế hoạch giáo dục được xây dựng cụ thể, phân phối chương trình, số tiết hợp lí giữa các chủ đề và phân công giảng dạy các chủ đề có nội dung kiến thức phù hợp với chuyên môn của giáo viên.

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

- Xây dựng Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh. Quy chế này được Hiệu trưởng công khai, trao đổi trực tiếp với CMHS tại các cuộc họp CMHS/năm học thông qua hệ thống Camera Intenet thu phát hình ảnh và âm thanh 2 chiều. Qua đó, CMHS được tư vấn, giải đáp tất cả các vấn đề liên quan đến việc phối hợp chăm sóc, giáo dục học sinh.

- Định kỳ 02 lần/năm học, nhà trường phát Phiếu trưng cầu ý kiến HS và đột xuất lấy ý kiến của HS (nếu cần) và sẵn sàng tiếp nhận ý kiến phối hợp của CMHS để chăm sóc, giáo dục học sinh kịp thời, hiệu quả.

- Xây dựng Quy chế phối hợp với phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố tuyên truyền, giáo dục Luật Giao thông đường bộ cho HS. Phối hợp với phòng PA05 Tư vấn, nâng cao nhận thức cho HS toàn trường kỹ năng phòng, chống bạo lực, xâm hại và an ninh mạng, văn hóa sử dụng facebook và các trang mạng xã hội; Phối hợp với Công an phường Gia Viên thực hiện nhiệm vụ bảo vệ An ninh trật tự trường học. Các giờ tan học, tổ quản lý HS của nhà trường phối hợp chặt chẽ với lực lượng ANTT phường, công an phường phân luồng giao thông, đảm bảo tốt ANTT, ATGT đầu ngõ 201 Lạch Tray và các khu vực lân cận trường.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho HS

- Tổ chức chương trình tư vấn hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh bằng nhiều hình thức phong phú như: Tọa đàm tại trường; trải nghiệm thực tế. Tại các hoạt động này, HS của trường được tìm hiểu về lịch sử các ngành nghề truyền thống của dân tộc, từ đó có định hướng nghề nghiệp phù hợp năng lực bản thân và xu thế của đất nước và thế giới trong tương lai.

- Tổ chức hoạt động GD STEM cấp trường giúp HS được thực hành, được trang bị những kỹ năng cần thiết như phản biện, tư duy, sáng tạo, làm việc nhóm, khả năng thích ứng và linh hoạt... tạo nền tảng để định hướng nghề nghiệp bản thân.

- Tổ chức cho HS tham gia các CLB: các chuyên đề GD như: Kỹ năng tìm kiếm việc làm; xây dựng ý tưởng Start up... để trang bị cho HS những kiến thức khởi nghiệp và kỹ năng định hướng nghề nghiệp bản thân. Từ đó, HS thêm quyết tâm, nỗ lực tự học, ôn thi đạt kết quả cao và có những lựa chọn phù hợp khi chọn trường, chọn nghề.

- Tổ chức các CLB như: ThangLong Media, Âm nhạc, Nghệ thuật, TDTT, Môn học và đọc sách, Tin học, STEM... Câu lạc bộ "Tư vấn, giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên" tư vấn, giải đáp trực tiếp các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi vị thành niên.

- Tổ chức chương trình ThangLong's got talent, HS được phát huy tài năng, rèn luyện sức khỏe, năng động, sáng tạo, xây dựng tinh thần đoàn kết, lối sống khoa học để đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện.

- Tổ chức Lễ Tri ân và Trưởng thành cho HS K12 đem đến cho thầy cô, HS và CMHS nhiều cung bậc cảm xúc và tình cảm yêu thương. Những tình cảm đẹp đẽ và nhân văn trong Lễ Tri ân và Trưởng thành của HS THPT Thăng Long, lan tỏa tự nhiên, tạo nên mối đồng cảm sâu đậm và chân thành trong suy nghĩ, định hướng hành động cho mỗi công dân trẻ chuẩn bị bước vào cuộc sống hội nhập một nếp sống đẹp, vun đắp nên từ nền tảng đạo lý, để các con biết yêu chuộng những gì là cao quí mà cuộc đời đã trao tặng.

- Tổ chức hoạt động nhân đạo từ thiện đã chạm đến trái tim, tình cảm yêu thương, khơi dậy lòng trắc ẩn trong mỗi HS để các em sống tốt hơn, nhân văn hơn. Vì một Tết Nguyên Đán ấm áp tình thương, thăm và tặng quà các gia đình thương binh liệt sỹ, nạn nhân chất độc da cam, hộ nghèo phường Gia Viên... Những hoạt động này đã chạm đến trái tim, lòng trắc ẩn của đội ngũ CBGVNV, CMHS và HS trường THPT Thăng Long... để cảm nhận cuộc sống này cần lắm những tấm lòng và thêm trân quý những gì mà mình đang có.

- Tổ chức Olympic tất cả các môn học theo "Chương trình nhà trường" bằng hình thức ứng dụng phần mềm môn học thu hút 100% HS tham gia. Olympic các môn học đã tạo "sân chơi" bổ ích, lành mạnh, giúp HS rèn kỹ năng làm bài thi trắc nghiệm, phát huy năng lực bản thân, vận dụng kiến thức môn học để giải quyết các tình huống thực tiễn, nâng cao kỹ năng sống, giá trị sống để tiếp cận những phẩm chất của công dân toàn cầu.

- Tổ chức mít tinh kỷ niệm các ngày 20/10, 20/11, 8/3: 100% nữ CBGVNV, nữ sinh của trường trang phục áo dài thể hiện phong cách trường Thăng Long duyên dáng, thanh lịch.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm tại đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, đền Tư Nghiệp Quốc Tử Giám, nhà giáo Chu Văn An, khu di tích Côn Sơn, Văn Miếu Mao Điền, Bảo tàng dân tộc Thái Nguyên... Những hoạt động trải nghiệm này góp phần giáo dục các em thêm yêu quê hương đất nước, phát huy truyền thống khoa bảng, chăm chỉ học tập - rèn luyện, trân quý, tự hào, gìn giữ và lan toả những nét đẹp truyền thống văn hoá Việt Nam.

- Tổ chức tuyên truyền phòng, chống tai nạn đuối nước cho học sinh. Phối hợp với trường Cao đẳng kinh tế thủy sản miền Bắc thuê bể bơi và hợp đồng với giáo viên dạy bơi để tổ chức dạy bơi. 100% học sinh của trường học bơi và biết bơi, có kỹ năng phòng chống đuối nước, rèn luyện thân hình khỏe đẹp. Tổ chức giải bơi, giải bóng đá nam truyền thống của trường, xây dựng phong trào rèn luyện thể thao, nâng cao sức khỏe cho HS.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh: Không

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.

- Kết quả tuyển sinh: 08 lớp 10 với tổng số 302 học sinh.
- Số HS theo từng khối: K10: 302HS; K11: 340HS; K12: 348HS. Tổng: 990HS.
- Số HS bình quân/lớp: K10: 38HS/lớp; K11: 38HS/lớp; K12: 39HS/lớp.
- Số lượng HS học 2 buổi/ngày: 990HS.
- Số lượng HS nam: 550, HS nữ: 440.
- Số HS là dân tộc thiểu số: 06 HS.
- Số HS chuyển đi: 04 HS.
- Số HS chuyển đến: 02 HS.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số HS và tỷ lệ % rèn luyện**	**990**	**302**	**340**	**348**
1	Tốt - Tỷ lệ so với tổng số	990-100%	302-100%	340-100%	348-100%
2	Khá - Tỷ lệ so với tổng số	0	0	0	0
3	Trung bình - Tỷ lệ so với tổng số	0	0	0	0
4	Yếu - Tỷ lệ so với tổng số	0	0	0	0
II	**Số HS chia theo học tập**	**990**	**302**	**340**	**348**
1	Tốt - Tỷ lệ so với tổng số	960-96,97%	281-93,05%	331-97,35%	348-100%
2	Khá - Tỷ lệ so với tổng số	30-3,03%	21-6,95%	09-2,65%	0
3	Đạt - Tỷ lệ so với tổng số	0	0	0	0
4	Chưa đạt - Tỷ lệ so với tổng số	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**990**	**302**	**340**	**348**
1	Lên lớp - Tỷ lệ so với tổng số	**990-100%**	**302-100%**	**340-100%**	**348-100%**

	- HSG - Tỷ lệ so với tổng số	649-65,56%	253-83,8%	227-66,76%	169-48,6%
	- HSXS - Tỷ lệ so với tổng số	321-32,42%	33-10,9%	109-32,06%	179-51,4%
	- HS đạt - Tỷ lệ so với tổng số	20-2,02%	16-5,3%	04-1,18%	0
2	Thi lại - Tỷ lệ so với tổng số	0	0	0	0
3	Lưu ban - Tỷ lệ so với tổng số:	0	0	0	0
4	- Chuyển đến - Tỷ lệ so với tổng số	02-0,2%	01-0,33%	01-0,29%	0
	- Chuyển đi - Tỷ lệ so với tổng số	03-0,3%	02-0,66%	01-0,29%	0
5	Bị đuổi học - Tỷ lệ so với tổng số	0	0	0	0
6	Bỏ học - Tỷ lệ so với tổng số	0	0	0	0
IV	**Số HS đạt giải kỳ thi HSG**				
1	**Cấp thành phố**	11	/	/	11
2	Quốc gia, khu vực, quốc tế	/	/	/	/
V	**Số HS dự thi TN THPT năm 2026**	348	/	/	348
VI	**Số HS tốt nghiệp năm 2026**	/	/	/	/
1	Điểm Tb cộng 03 môn xét ĐH	Bộ / Sở GDĐT không gửi thống kê cho trường			
2	Điểm Tb cộng 4 môn thi TN THPT	**348**	/	/	**7.263 XT 8/120**
VII	**Số HS thi đỗ ĐH, CĐ năm 2026**	**348**	/	/	348
1	**Đại học** - Tỷ lệ / Tổng số HS K12	**348**	/	/	348-100%
2	**Cao đẳng** - Tỷ lệ / Tổng số HS K12	/	/	/	/
VIII	**Số HS nam, nữ**	**990**	**302**	**340**	**348**
1	**Số HS nam** - Tỷ lệ so với tổng số	547-55,25%	166-55%	197-57,9%	184-52,9%
2	**Số HS nữ** - Tỷ lệ so với tổng số	443-44,75%	136-45%	143-42,1%	164-47,1%
IX	**Số HS dân tộc thiểu số - Tỷ lệ**	06-0,6%	01-0,3%	02-0,6%	03-0,9%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số học sinh công nhận hoàn thành chương trình: 348HS
- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 348HS
- Số HS được trúng tuyển vào ĐH: 348 (100%)

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: Không

Nơi nhận:
- Sở GD ĐT (để b/c);
- Website trường;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THĂNG LONG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Th.S: Nguyễn Thị Mai

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Th.S: Nguyễn Sỹ Hòa